

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Termo Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 544/TTr-SNNMT ngày 29/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Termo Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Lô H2-2-4, Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Dự án Victor” của Công ty TNHH Termo Việt Nam, Lô H2-2-4, Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Dự án Victor.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô H2-2-4, Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300939404 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 26/05/2016, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 26/07/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 9831572141 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp chứng nhận lần đầu ngày 07/4/2016; cấp chứng nhận thay đổi lần thứ 03 ngày 18/07/2022.

1.4. Mã số thuế: 2300939404.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Sản xuất sản phẩm nhựa từ plastic, in ấn, thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa có mã HS: 3923, 3901, 3920 theo quy định của pháp luật Việt Nam (CPC).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

1.6.1. Phạm vi:

- Diện tích: 7.155,8m², trong đó:

1.6.2. Nhóm dự án:

- Cơ sở có tiêu chí như cơ sở nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường tương đương dự án đầu tư nhóm III (theo STT2, Mục II, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP).

1.6.3. Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét cấp phép tại Giấy phép môi trường này:

Nguyên liệu (bao gồm: Hạt nhựa, Polyester film, hộp carton, mực in, dung môi, băng dính,...) được kiểm tra chất lượng đầu vào → Tạo màng phim bằng việc đun thổi nguyên liệu (gia nhiệt) → In logo, họa tiết (Rửa bản in, rửa thiết bị, dụng cụ → Mực in thải, dung môi thải, dung dịch thải chứa chất thải nguy hại → Chung cất → Ngưng tụ → Dung môi sạch tái sử dụng) → Ghép màng (gia nhiệt + keo) → Làm túi (tạo hình, cắt, hàn nhiệt) → Dán nhãn (nếu có) → Kiểm tra chất lượng sản phẩm → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

3. Nội dung xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg): Không.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Termo Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Termo Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại giấy phép môi trường, phải kịp thời báo cáo đến Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Dự án Victor” theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 846/QĐ-SNNMT ngày 07/11/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu và kết quả thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Dự án Victor”.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh; Công ty TNHH Termo Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, THĐT;
Trung tâm Thông tin tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (trả kết quả);
- Phòng QLMT-Sở NN&MT (lưu hồ sơ);
- Lưu: VT, KTN Tân

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Quang Khải

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải của Cơ sở sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN, để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, trước khi thải ra môi trường, Cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

Vì vậy, cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ xí bột, xí tiêu của nhà vệ sinh với thành phần chiếm khoảng 52% là chất hữu cơ, 48% là chất vô cơ, chứa các vi sinh vật gây bệnh như vi khuẩn, có hàm lượng chất dinh dưỡng như BOD, Nito, Photpho.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ quá trình rửa chân tay của công nhân viên Nhà máy chứa bụi bản,...

+ Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà bếp thành phần chính là dầu mỡ, vụn thức ăn thừa, các chất hữu cơ dễ phân hủy,...

- Nước thải sản xuất:

+ Nguồn số 01: Dung dịch thải phát sinh từ quá trình sản xuất từ các khâu rửa bản in, rửa thiết bị, dụng cụ với lưu lượng khoảng 123m³/ngày đêm chứa thành phần nguy hại (bao gồm hóa chất rửa FW Anilox Deep Cleaner 3S, mực in, dung môi pha mực,...)

- Toàn bộ nước thải sản xuất được đưa vào lưu chứa tạm thời trong các phuy chứa, với dung tích khoảng 200 lít/thùng, sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo quy định.

- Toàn bộ nước thải từ bể gom nước thải sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày đêm của Cơ sở, để xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Đại Đồng- Hoàn Sơn, sau đó thoát vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đại Đồng- Hoàn Sơn, qua đường ống PVC Ø90mm, có tổng chiều dài 142m.

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.
- Công suất: 15m³/ngày đêm.
- Quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học + bể chứa bùn → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải KCN Đại Đồng Hoàn Sơn.

- Chế độ vận hành: Liên tục.
- Tiêu chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn KCN Đại Đồng Hoàn Sơn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế (*có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành*).
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố có thể xảy ra.
- Người vận hành hệ thống xử lý nước thải được đào tạo kiến thức về cách vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị, xử lý các tình huống sự cố.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).
- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.
- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.
- Đảm bảo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao, như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo Chủ đầu tư hạ tầng KCN xem xét tiếp nhận xử lý nước thải cho dự án.

- Thường xuyên theo dõi, vận hành, bổ sung hoá chất định kỳ theo đúng thiết kế.

- Bố trí cán bộ vận hành, theo dõi thường xuyên chất lượng nước thải sau xử lý.

- Bố trí các thiết bị, lắp đặt bơm, đường ống tuần hoàn dòng nước thải khi xảy ra sự cố nước thải sau xử lý không đảm bảo quy chuẩn, trước khi thải ra ngoài.

1.4.3. Vị trí đầu nối nước thải:

Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15m³/ngày đêm, được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn thông qua 01 điểm đầu nối thoát nước thải có tọa độ: X (m) = 2333720.87; Y (m) = 396575.59 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°00', múi chiếu 3°).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải của Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm, do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và điểm k khoản 1 điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn và đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có đồng hồ đo điện tại các hệ thống xử lý nước thải, có đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra, có nhật ký vận hành thử nghiệm, vận hành chính thức (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, để tiếp tục xử lý, trước khi xả thải ra môi trường.

3.5. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường./.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ kho mục có chứa các hợp chất hữu cơ bay hơi, bụi mục, hơi dung môi,...
- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ phòng thí nghiệm mục có chứa các hợp chất hữu cơ bay hơi, bụi mục, hơi dung môi,...
- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ phòng tái chế dung môi có chứa các hợp chất hữu cơ bay hơi

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

Cơ sở có 01 dòng khí thải vào môi trường, tương ứng với 01 ống thoát khí từ 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải (thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 1, 2 và 3) của Cơ sở.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng thải số 01: Tương đương với ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải, tọa độ xả thải: X=2333754.48; Y= 396460.56.

(Theo Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰00', múi chiều 3⁰).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.000m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí, xả liên tục trong quá trình hoạt động.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

STT	Thông số phân tích	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 19:2024/BTNMT, cột B	
Hệ thống xử lý khí thải dòng số 01, số 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	-	
3	Tổng bụi	mg/Nm ³	200	

4	CO	mg/Nm ³	1.000	
5	SO ₂	mg/Nm ³	500	
6	NO ₂	mg/Nm ³	850	
7	Xylen	mg/Nm ³	870	
8	Toluen	mg/Nm ³	750	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống thu gom khí thải:

+ Khí thải phát sinh tại kho mực được thu gom thông qua 02 chụp hút có kích thước D450×450mm, dẫn qua đường ống nhánh D200, sau đó nhập vào ống dẫn chính D350, đi qua quạt hút số 01 đẩy vào ống chung với khí thải phòng tái chế dung môi D450mm và dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

+ Khí thải phát sinh tại phòng thí nghiệm mực được thu gom bằng 02 chụp hút kích thước D450×450mm, qua đường ống nhánh D200, nhập vào ống dẫn chính D350, sau đó được quạt hút số 01 đẩy vào ống chung với khí thải phòng tái chế dung môi D450mm và dẫn hệ thống xử lý khí thải.

+ Khí thải phát sinh tại phòng tái chế dung môi được thu gom bằng 08 chụp hút kích thước D400×600mm, qua đường ống nhánh D200, dẫn qua ống thu D450 mm, sau đó qua quạt hút số 02 và đưa về hệ thống xử lý khí thải.

+ Toàn bộ khí thải được quạt hút đưa vào hệ thống xử lý có kích thước D×R×H = 2000×1000×2500mm từ đáy tháp, đi qua 03 lớp vật liệu than hoạt tính. Tại đây, các hợp chất ô nhiễm được hấp phụ và giữ lại trên bề mặt than hoạt tính. Khí sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn môi trường hiện hành, trước khi được thoát ra ngoài qua ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Có 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Hệ thống xử lý khí thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Ống dẫn khí → Quạt hút → Tháp hấp thụ bằng than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.

+ Công suất: 18.000m³/giờ.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý khí thải và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Đối với sự cố lớn, dừng hoạt động sản xuất, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Các công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm và thời gian vận hành thử nghiệm:

- Công trình bảo vệ môi trường phải vận hành thử nghiệm của cơ sở, gồm: 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 18.000m³/giờ.

Thời gian vận hành thử nghiệm: Trong khoảng 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực, dự kiến từ tháng 05/2026 đến tháng 08/2026.

2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và bảo đảm các nồng độ các chất ô nhiễm đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này, trước khi thải vào môi trường.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.5. Trước thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, Chủ cơ sở phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bắc Ninh để xem xét theo quy định.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.7. Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải theo quy định./.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 08 nguồn.

- Nguồn số 01: Khu vực phòng máy nén khí.
- Nguồn số 02: Khu vực xử lý khí thải.
- Nguồn số 03: Khu vực in.
- Nguồn số 04: Khu vực phòng sấy.
- Nguồn số 05: Khu vực cán màng.
- Nguồn số 06: Phòng Solvent.
- Nguồn số 07: Khu vực thổi.
- Nguồn số 08: Khu vực máy Sealing 1..

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

STT	Ngày (06h00 đến trước 18h00) (dBA)	Tối (18h00 đến trước 22h00) (dBA)	Đêm (22h00 đến trước 06h00) (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực E

2.2. Độ rung:

Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)		
1	75	70	Không thuộc đối tượng	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị đúng yêu cầu kỹ thuật đối với tất cả máy móc, thiết bị thuộc khuôn viên của cơ sở nhằm giảm chấn động khi hoạt động, như: Xây dựng bệ máy, cân bằng máy khi lắp đặt, lắp đặt các bộ tắt chấn động lực dùng các kết cấu đàn hồi để giảm rung,...

- Bố trí khoảng cách giữa các máy móc, thiết bị có độ ồn lớn hợp lý.

- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

- Trang bị cho công nhân vận hành các trang thiết bị chống ồn như nút bịt tai, quần áo bảo hộ,... và yêu cầu công nhân nghiêm túc thực hiện.

- Các thiết bị tại những dây chuyền có công suất lớn cần phải được lắp đặt đệm cao su hoặc lò xo chống rung.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu hạn chế nổ máy trong thời gian dừng chờ bốc dỡ nguyên vật liệu.

- Quạt, bơm, máy nén khí được xây dựng bện đỡ riêng biệt để tránh độ rung.

- Trang bị bao tay có đệm đàn hồi, giày đế chống rung cho công nhân làm việc trực tiếp với khu vực phát sinh độ rung.

- Trồng cây xanh quanh khu vực nhà máy

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 480 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 41.640 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 71,9 tấn/năm.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải phải kiểm soát:

Dự kiến tổng khối lượng phát sinh khoảng 75.820 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

- Thiết bị lưu chứa: Các CTNH được thu gom, phân loại vào các thùng chứa có nắp đậy dung tích 200-500 lít/thùng, có dán biển cảnh báo, mã CTNH, ký hiệu và tên từng loại chất thải.

- Kho lưu chứa: 01 kho có diện tích 9m².

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Các túi PE, buộc kín.

- Kho lưu chứa: Kho có diện tích 12m².

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác dung tích khoảng 15-20 lít tại các khu vực phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

- Kho lưu chứa: kho có diện tích khoảng 9m², tại đây bố trí khoảng 3 thùng nhựa, có nắp đậy chứa chất thải với dung tích khoảng 200 lít/thùng..

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy trình của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (không bao gồm chất thải ký hiệu TT-R), CTNH cho đơn vị chức năng theo quy định./.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty TNHH Termo Việt Nam có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trước ít nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát việc thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải tại cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý khí thải để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường được cấp có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.